

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TH PHƯỚC HÒA A

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, cuối năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	709	140	132	128	139	170
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	709	140	132	128	139	170
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
III	Số học sinh chia theo năng lực	709	140	132	128	139	170
1	Tốt	289	91	65	71	64	89
	(tỷ lệ so với tổng số)	40.76	65.00	49.24	55.47	46.04	52.35
2	Đạt	272	43	65	54	72	81
	(tỷ lệ so với tổng số)	38.36	30.71	49.24	42.19	51.80	47.65
3	Cần cố gắng	14	6	2	3	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.97	4.29	1.52	2.34	2.16	0.00
IV	Số học sinh chia theo Phẩm chất	709	140	132	128	139	170
1	Tốt	454	95	69	89	96	105
	(tỷ lệ so với tổng số)	64.03	67.86	52.27	69.53	69.06	61.76
2	Đạt	251	43	62	39	42	65
	(tỷ lệ so với tổng số)	35.40	30.71	46.97	30.47	30.22	38.24
3	Cần cố gắng	4	2	1	0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.88	1.52	0.78	0.00	0.59	0.00
V	Số học sinh chia theo môn học						
1	Tiếng Việt	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	368	83	65	70	64	86
	(tỷ lệ so với tổng số)	51.90	59.29	49.24	54.69	46.04	50.59
b	Hoàn thành	331	52	65	57	73	84
	(tỷ lệ so với tổng số)	46.69	37.14	49.24	44.53	52.52	49.41
c	Chưa hoàn thành	10	5	2	1	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.41	3.57	1.52	0.78	1.44	0.00
2	Toán	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	384	91	68	70	65	90
	(tỷ lệ so với tổng số)	54.16	65.00	51.52	54.69	46.76	52.94
b	Hoàn thành	311	43	62	55	71	80
	(tỷ lệ so với tổng số)	43.86	30.71	46.97	42.97	51.08	47.06
c	Chưa hoàn thành	14	6	2	3	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.97	4.29	1.52	2.34	2.16	0.00
3	Khoa học	357	0	0	0	162	195
a	Hoàn thành tốt	200				89	111
	(tỷ lệ so với tổng số)	56.02				54.94	56.92
b	Hoàn thành	108				49	59
	(tỷ lệ so với tổng số)	30.25				30.25	30.26
c	Chưa hoàn thành	1				1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0				0.00	0.00
4	Lịch sử và Địa lí	357	0	0	0	162	195
a	Hoàn thành tốt	183				78	105
	(tỷ lệ so với tổng số)	51.26				48.15	53.85

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	Hoàn thành	125				60	65
	(tỷ lệ so với tổng số)	35.01				37.04	33.33
c	Chưa hoàn thành	1				1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0				0.00	0.00
5	Tiếng Anh	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	314	51	58	61	61	83
	(tỷ lệ so với tổng số)	44.29	36.43	43.94	47.66	43.88	48.82
b	Hoàn thành	382	83	72	65	75	87
	(tỷ lệ so với tổng số)	53.88	59.29	54.55	50.78	53.96	51.18
c	Chưa hoàn thành	13	6	2	2	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.83	4.29	1.52	1.56	2.16	0.00
6	TH-CN (Công nghệ)	288	0	0	126	162	
a	Hoàn thành tốt	169			81	88	
	(tỷ lệ so với tổng số)	58.68			64.29	54.32	#DIV/0!
b	Hoàn thành	121			47	74	
	(tỷ lệ so với tổng số)	42.01			37.30	45.68	#DIV/0!
c	Chưa hoàn thành	0				0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0				0.00	0.00
7	TH-CN (Tin học)	483	0	0	126	162	195
a	Hoàn thành tốt	235			70	70	95
	(tỷ lệ so với tổng số)	48.65			55.56	43.21	48.72
b	Hoàn thành	201			58	68	75
	(tỷ lệ so với tổng số)	41.61			46.03	41.98	38.46
c	Chưa hoàn thành	1			0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.21			0.00	0.62	0.00
8	Đạo đức	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	485	100	84	88	101	112
	(tỷ lệ so với tổng số)	68.41	71.43	63.64	68.75	72.66	65.88
b	Hoàn thành	224	40	48	40	38	58
	(tỷ lệ so với tổng số)	31.59	28.57	36.36	31.25	27.34	34.12
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
9	Tự nhiên và Xã hội	400	140	132	128		
a	Hoàn thành tốt	262	99	79	84		
	(tỷ lệ so với tổng số)	65.50	70.71	59.85	65.63		
b	Hoàn thành	138	41	53	44		
	(tỷ lệ so với tổng số)	34.50	29.29	40.15	34.38		
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0		
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00		
10	Âm nhạc	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	401	80	67	80	79	95
	(tỷ lệ so với tổng số)	56.56	57.14	50.76	62.50	56.83	55.88
b	Hoàn thành	308	60	65	48	60	75
	(tỷ lệ so với tổng số)	43.44	42.86	49.24	37.50	43.17	44.12
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
11	Mĩ thuật	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	475	95	83	77	95	125
	(tỷ lệ so với tổng số)	67.00	67.86	62.88	60.16	68.35	55.00

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	Hoàn thành	233	45	49	51	43	45
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.86	32.14	37.12	39.84	30.94	26.47
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
12	HĐTN 1,2,3,4; Thủ công (KT) 5	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	455	94	79	77	83	122
	(tỷ lệ so với tổng số)	64.17	67.14	59.85	60.16	59.71	71.76
b	Hoàn thành	254	46	53	51	56	48
	(tỷ lệ so với tổng số)	35.83	32.86	40.15	39.84	40.29	28.24
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
13	Thể dục (GDTC)	709	140	132	128	139	170
a	Hoàn thành tốt	497	101	83	92	101	120
	(tỷ lệ so với tổng số)	70.10	72.14	62.88	71.88	72.66	70.59
b	Hoàn thành	212	39	49	36	38	50
	(tỷ lệ so với tổng số)	29.90	27.86	37.12	28.13	27.34	29.41
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	709	140	132	128	139	170
1	Hoàn thành chương trình lớp học	695	134	130	125	136	170
	(tỷ lệ so với tổng số)	98.03	95.71	98.48	97.66	97.84	100.00
2	Kiểm tra lại	16	6	2	3	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.26	4.29	1.52	2.34	2.16	0.00
3	Lưu ban	0					
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	Bỏ học	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
VII	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học	170					170
	(tỷ lệ so với tổng số)	100					100

Phú Giáo, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Vi Văn Khởi